

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/DS-ST

Ngày 27 - 8 - 2025

“V/v Tranh chấp kiện đòi tài sản là tiền”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hảo

2. Ông Nguyễn Quang Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Không Thị Đức Hậu - Là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 8 – Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thuỳ Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 8 – Phú Thọ (Cơ sở 2), xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2025/TLST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2025 về việc tranh chấp kiện đòi tài sản là tiền, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Minh P, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn O, Xã B, tỉnh Phú Thọ; “có mặt”.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1977 (tên thường gọi: Nguyễn Tiến L hoặc Nguyễn Văn L); địa chỉ: Thôn O, Xã B, tỉnh Phú Thọ; “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 01 năm 2025 và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Minh P trình bày:

Ông và ông Nguyễn Văn S (tên gọi khác là Nguyễn Tiến L, Nguyễn Văn L) là người cùng xã nên có mối quan hệ quen biết từ lâu. Ngày 6/11/2010 ông cho ông S vay số tiền 5.000.000 đồng; ngày 26/4/2011 ông cho ông S vay số tiền 20.000.000 đồng. Tổng số tiền ông S vay của ông là 25.000.000 đồng. Hai bên không thoả thuận lãi suất cũng như thời hạn trả nợ, Sau đó, do có nhu cầu cá

nhân, ông đã nhiều lần gặp trao đổi và yêu cầu ông S phải trả cho ông số tiền trên, tuy nhiên ông S lẩn tránh; khất hẹn nhiều lần và không trả tiền cho ông. Nay do ông S vi phạm hẹn nhiều lần không trả nợ cho ông, nên ông khởi kiện, đề nghị Toà án buộc ông Nguyễn Văn S phải trả cho ông số tiền 25.000.000 đồng và lãi sau khi xét xử theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn S (tên gọi khác là Nguyễn Tiến L, Nguyễn Văn L), quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo, văn bản tố tụng của Tòa án cho ông S nhưng ông S không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, tại phiên tòa ngày 27 tháng 8 năm 2025, ông Nguyễn Văn S có mặt và trình bày như sau: Ông đã nhận được toàn bộ các thông báo, văn bản tố tụng của Tòa án. Ông thừa nhận ông có vay tiền của ông Nguyễn Minh P 02 lần với tổng số tiền là 25.000.000 đồng, số tiền vay ông sử dụng vào mục đích cá nhân, không liên quan gì đến vợ và các con của ông, vợ và các con ông đều không biết, không được sử dụng số tiền này. Đối với 02 Giấy vay tiền ông P nộp cho Tòa án thì ông xác nhận đúng chữ ký và chữ viết của ông ở mục người vay (ông S kí tên Nguyễn Văn L trong giấy vay tiền ngày 06/11/2020 và kí tên Nguyễn Tiến L trong giấy vay tiền ngày 26/4/2011). Mặc dù tên trên Căn cước công dân tên của ông là Nguyễn Văn S nhưng do trùng tên với người thân trong gia đình nên tên thường gọi của ông là Nguyễn Tiến L hoặc Nguyễn Văn L. Trong cả 02 giấy vay nợ đều không ghi thời hạn trả nợ, không ghi lãi suất nhưng thực tế ông và ông P có thoả thuận lãi là 5%/1 tháng, ông S đã trả cho ông P một số tiền lãi nhưng ông S không nhớ cụ thể. Tuy nhiên, việc thoả thuận lãi cũng như trả lãi ông S đều không có chứng cứ để chứng minh. Nay ông P khởi kiện đòi tiền thì ông đồng ý trả nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên ông chưa thu xếp trả ngay 1 lần được mà xin được trả dần cho ông P.

* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký là cơ bản đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, Tòa án chưa thực hiện đúng quy định về thủ tục nhận và xử lý đơn khởi kiện; việc xác định mối quan hệ tranh chấp Tòa án xác định đây là vụ án kiện đòi tài sản là tiền, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, Viện kiểm sát nhận thấy đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự do các bên đương sự có hợp đồng vay tiền và vẫn còn thời hiệu khởi kiện dân sự đối với hợp đồng vay này.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông S không chấp hành, không đến Tòa án làm việc. Tại phiên tòa xét xử ông S đến tham gia. Như vậy, ông S chưa thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc giải quyết vụ án: Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 116, 117, 119, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh P, buộc ông Nguyễn Văn S phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Minh P số tiền 25.000.000 đồng. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền theo giấy vay tiền ngày 6/11/2010 là 5.000.000 đồng) và ngày 26/4/2011 là 20.000.000 đồng. Do các bên không đề nghị áp dụng thời hiệu và hợp đồng vay tiền các bên không nên xác định thời hạn trả nợ nên quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự (quá trình giải quyết vụ án do các bên thực hiện giao dịch từ năm 2010 và 2011 nên Tòa án xác định đây là vụ án kiện đòi tài sản là tiền là chưa chính xác); Bị đơn có nơi cư trú tại Xã B, tỉnh Phú Thọ, nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Phú Thọ.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn anh Nguyễn Văn S nhưng anh Sơn không chấp hành, không đến Tòa án làm việc, anh Sơn cần nghiêm túc rút kinh nghiệm. Tại phiên tòa ông S đã có mặt và trình bày rõ ràng nội dung tranh chấp và được Tòa án ghi nhận.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

Ngày 06/11/2010 ông P cho ông S vay số tiền là 5.000.000 đồng, khi vay hai bên có viết giấy vay tiền do ông S tự viết và ký tên là “L”, “Nguyễn Văn L”. Ngày 26/4/2011 ông P cho ông S vay số tiền là 20.000.000 đồng, khi vay hai bên có viết giấy vay tiền do ông S tự viết và ký tên là “L”, “Nguyễn Tiến L”. (Theo lời khai của ông S và xác minh của Tòa án thì “Nguyễn Văn S”; “Nguyễn Văn L” “Nguyễn Tiến L” là 01 người). Cả 02 lần vay trên hai bên đều không xác định thời hạn trả nợ, không thỏa thuận lãi suất. Tại phiên tòa bị đơn khai có trả cho nguyên đơn một phần tiền lãi, nguyên đơn không thừa nhận, bị đơn không có chứng cứ chứng minh việc hai bên thỏa thuận lãi và bị đơn đã trả

cho nguyên đơn một số tiền lãi nên xác định đây là hợp đồng vay không xác định thời hạn trả, không thoả thuận về lãi.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc ông S không trả ông P số tiền 25.000.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự nên yêu cầu của ông P buộc ông S phải trả số tiền vay là có căn cứ, cần chấp nhận. Do ông P không yêu cầu về lãi suất trước khi xét xử, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng được tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4]. Mặc dù Giấy vay tiền ngày 06/11/2010 và Giấy biên nhận ngày 26/4/2011 hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa anh S và bà Nguyễn Thị H (vợ ông S) nhưng không có chữ ký của bà H, chỉ có chữ ký của ông S; Toà án tiến hành làm việc với bà H thì bà H trình bày không biết việc ông S vay tiền của ông P, bà không được sử dụng bất kỳ số tiền vay nào; tại phiên toà ông S cũng trình bày khoản tiền vay ông sử dụng vào mục đích cá nhân, không liên quan gì đến vợ con ông S. Bản thân nguyên đơn ông P cũng chỉ khởi kiện đối với ông S nên Toà án không đưa bà H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nêu trên là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 144, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 116, 117, 119, 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh P. Buộc ông Nguyễn Văn S phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Minh P số tiền vay 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn S phải chịu 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Minh P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 650.000 đồng (sáu trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0002746 ngày 10/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (cũ), nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Phú Thọ.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ;
- Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Thanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Thanh